

Bản án số: **31/2025/HS-ST**
Ngày 21 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ninh và Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị Hoài T; sinh ngày 24/6/1989; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; HKTT: Tổ H, phường P, TP T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Trần Xuân V, sinh năm 1961; Con bà: Nông Thị T1, sinh năm 1963; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Trần Đăng T2, sinh năm 1985; Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt)*.

2. Họ và tên: Vũ Thị T3; sinh ngày 26/11/1989; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; HKTT: Tổ H, phường T, TP T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Vũ Xuân T4, sinh năm 1969; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: L3, sinh năm 1988; Có 01 con, sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không;

Hiện bị can tại ngoại tại địa phương. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Không bị tạm giữ, tạm giam). *(Có mặt)*.

3. Họ và tên: Mai Thị H1, sinh ngày 30/10/1976; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ; HKTT: Tổ D, phường T, TP P, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp:

Nhân viên xí nghiệp T11; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. H1 đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 293-QĐ/UBKT ngày 22/01/2025 của Ủy ban kiểm tra, Đảng ủy tổng công ty X; Con ông: Mai Thế H2, sinh năm 1953; Con bà: Mai Thị H3, sinh năm 1954; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Trần Huy S, sinh năm 1975; Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, Tiền sự: Không.

Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Không bị tạm giữ, tạm giam).

(Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Công ty TNHH T12. Địa chỉ: Tổ I, phường T, TP T. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T5 là giám đốc.

+ Bà Nguyễn Thị Lệ H4, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Công ty TNHH T13. Người đại diện bà Đoàn Thùy L, giám đốc chi nhánh. Địa chỉ: Tổ I, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

+ Công ty TNHH T14. Người đại diện: Ông Đào Thế T6, giám đốc. Địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố T.

+ Công ty TNHH X1. Người đại diện: Ông Đinh Văn T7, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

+ Xí nghiệp tiêu thụ xi măng T11. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện: Ông Lê Văn T8, Phó giám đốc.

+ Công ty TNHH C. Người đại diện bà Đào Thị L1, giám đốc. Địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Nguyễn Thị T9, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Đặng Văn A1, sinh năm 1984. Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Đặng Thị Thu H5, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Nguyễn Thị Hoài T10, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ F, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Trần Thị Tuyết L2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H6, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm N, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty TNHH T12, địa chỉ: Tổ I, phường T, TP T được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp: 4600438787, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21/09/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/07/2022. Trong thời gian từ ngày 06/06/2008 đến ngày 05/07/2022, người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Tuấn A (Sinh năm 1973, HKTT: Tổ I, phường T, TP T) làm giám đốc. Trong thời gian từ ngày 06/07/2022 đến tháng 10/2023, người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Anh T5 (Sinh năm 1997, HKTT: Tổ I, phường T, TP T, con trai ông Tuấn A) làm giám đốc. Trong thời gian ông Anh T5 giám đốc Công ty, mọi công việc vẫn do ông Tuấn A và bà Nguyễn Thị Lệ H4 (Sinh năm 1975, HKTT: Tổ I, phường T, TP T, vợ ông Tuấn A) thực hiện, quản lý, điều hành, thực tế ông T5 thường xuyên không tham gia hoạt động của Công ty.

Công ty TNHH T12 có đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh nhưng thực tế chỉ có kinh doanh dịch vụ ăn uống lấy tên “Nhà hàng cá sông Đ”. Bà H4 là người trực tiếp quản lý hoạt động của nhà hàng như mua nguyên, vật liệu, chi tiêu, thanh toán tiền khách hàng... Đến năm 2019, Công ty có thuê Trần Thị Hoài T làm kế toán thuế.

Đối với khách hàng sử dụng hàng hóa ăn uống tại Công ty TNHH T12, thì có thực hiện như sau:

- Trường hợp khách hàng không có nhu cầu xuất Hóa đơn GTGT thì chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản cá nhân của ông Tuấn A, bà H4 hoặc tiền mặt.

- Trường hợp khách hàng có nhu cầu xuất hóa đơn GTGT thì ông Tuấn A hoặc bà H4 có viết lại thông tin khách hàng, số tiền ăn thực tế, sau đó gọi điện, nhắn tin cho T để T xuất Hóa đơn GTGT cho khách hàng theo thông tin, giá trên Hóa đơn (quá trình trao đổi thiếu thông tin hay cần trao đổi thì ông Tuấn A, bà H4 sẽ gửi số điện thoại khách hàng cho T liên lạc trao đổi). T sẽ nhận toàn bộ số tiền thực tế và số tiền thuế GTGT theo giá trị đơn hàng của khách hàng, sau đó T sẽ giữ lại số tiền theo giá trị thuế của khách hàng và chuyển lại tiền ăn thực tế cho ông Tuấn A, bà H4 hoặc ông Tuấn A, bà H4 sẽ gửi thông tin cho T về số tiền đơn hàng, thông tin khách hàng, sau khi xuất hóa đơn ông Tuấn A, bà H4 sẽ thu toàn bộ số tiền theo giá trị Hóa đơn GTGT (bao gồm tiền thực tế khách ăn và tiền thuế GTGT) và giữ lại toàn bộ.

Thực tế T không có mặt thường xuyên tại Công ty, khi nào có việc cần thu thập tài liệu, chứng từ để báo cáo quyết toán thuế, xuất Hóa đơn GTGT thì đến Nhà hàng.

Do ông Tuấn A, bà H4 không có kiến thức, chuyên môn về sử dụng các phần mềm trên máy tính, nghiệp vụ về thuế nên có giao toàn bộ USB Token (chữ ký điện tử) và tài khoản đăng nhập thuế trên hệ thống của Công ty cho T để thực hiện các công việc hoạch toán, thanh toán của Công ty từ thanh toán chi phí doanh nghiệp (thuê đất, nộp thuế, phí..liên quan đến hoạt động của Công ty), xuất hóa đơn GTGT của Công ty, kê khai hóa đơn GTGT đầu vào và các chi phí khác của Công ty. Do đó việc xuất hóa đơn đầu ra của Công ty và sử dụng chữ ký số của Công ty là do T chủ động toàn quyền sử dụng.

Từ khi T làm Kế toán của Công ty, các chi phí (thuê đất, chữ ký điện tử...), nộp thuế, phí... của Công ty thì giao cho T thực hiện, tính toán tự cân đối tiền để nộp, thanh toán. Quá trình T thực hiện thanh toán tiền nếu còn thiếu thì T sẽ trao đổi, thông báo với bà H4 và ông Tuấn A, sau đó bà H4, ông Tuấn A có thực hiện chuyển một phần tiền như T thông báo.

Quá trình hoạt động, có nhiều cá nhân, doanh nghiệp đến sử dụng dịch vụ ăn uống tại Nhà hàng thông qua Vũ Thị T3 - là Kế toán Công ty TNHH T15 liên hệ đặt ăn uống, thanh toán tiền. Lợi dụng việc quen biết với T nên T3 đã nhiều lần trao đổi về việc đề nghị xuất bán Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và được T đồng ý. Trong thời gian từ tháng 07/2020 đến tháng 4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T16 xác định, Trần Thị Hoài T đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn là Kế toán của Công ty TNHH T12 đã bán hoặc thông qua trung gian bán Hóa đơn cho các đối tượng sau:

- Mai Thị H1 là nhân viên Xí nghiệp T11 (Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện K, TP H, tỉnh Hà Nam) có nhu cầu mua Hóa đơn GTGT để thực hiện quyết toán hồ sơ chứng từ tại Xí nghiệp. Qua mối quan hệ công việc, H1 có nhờ T3 liên hệ tìm mua giúp. Sau đó, T3 có liên hệ, trao đổi với Trần Thị Hoài T để xuất Hóa đơn GTGT cho Xí nghiệp nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và được T đồng ý. Việc T xuất bán Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T12 không kèm theo hàng hóa, dịch vụ không trao đổi, báo cáo Công ty mà lợi dụng việc được giao quản lý tài khoản thuế và chữ ký điện tử để thực hiện hành vi xuất khống, số tiền thu được từ việc bán Hóa đơn thì T sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Khi có nhu cầu cần mua Hóa đơn GTGT thì H1 sẽ nhắn tin trao đổi với T3 qua mạng xã hội Zalo để cung cấp thông tin: thời gian, tên doanh nghiệp, địa chỉ, số tiền Hóa đơn GTGT (bao gồm có thuế VAT hoặc chưa có thuế VAT). Sau đó, T3 sẽ chuyển thông tin trên đến cho T để thực hiện xuất Hóa đơn GTGT cho T3 qua mạng xã hội Zalo hoặc địa chỉ thư điện tử G và kèm theo số tiền để mua Hóa đơn trên. Khi nhận được Hóa đơn GTGT, T3 gửi chuyển tiếp cho H1 qua mạng xã hội Zalo hoặc địa chỉ thư điện tử G và cung cấp số tiền phải trả để mua Hóa đơn GTGT trên (số tiền để mua Thèn trao đổi khoảng từ 8-12%, tính trên giá hóa đơn chưa bao gồm thuế VAT). Ngoài xuất bán Hóa đơn GTGT của Công ty TNHH T12 thông qua T3, thì T còn liên hệ, trao đổi với các Công ty, Hộ kinh doanh khác, gồm:

- T liên hệ, trao đổi với Nguyễn Thị Thanh H6 (Sinh năm 1990, trú tại: xóm N, xã L, TP T) là Kế toán Công ty TNHH T14, địa chỉ: Tổ H, phường T, TP T để mua 03 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo (Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp: 4601033310, đăng ký lần đầu ngày 21/02/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/08/2022. Người đại diện pháp luật là ông Đào Thế T6, SN: 1981, HKTT: Tổ H, phường T, TP T làm giám đốc).

- T liên hệ, trao đổi với nhân viên (không xác định được thông tin nhân thân, lai lịch) của Công ty TNHH C, địa chỉ: Tổ B, phường P, TP T để mua 01 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo (Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp: 4600481493, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/07/2020. Người đại diện pháp luật là bà Đào Thị L1, sinh năm 1971, HKTT: Tổ B, phường P, TP T. Tháng 10/2023, Công ty đã dừng hoạt động, đóng mã số thuế).

- Thu liên hệ, trao đổi với bà Đặng Thị Thu H5 (Sinh năm 1966, trú tại: Tổ F, phường T, TP T) là chủ Hộ kinh doanh Đặng Thị Thu H5 hay còn gọi là cơ sở kinh doanh hàng ăn uống “Nhà hàng H8”, địa chỉ: Tổ F, phường T, TP T để xuất 01 Hóa đơn bán hàng nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo (Hộ kinh doanh được Phòng tài chính kế hoạch, U cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 17A80024522, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/01/2022).

Quá trình T3 trao đổi với H1 về số tiền phải trả mua Hóa đơn, T3 sẽ trao đổi số tiền cao hơn so với số tiền mua thực tế để hưởng chênh lệch, sau đó H1 chuyển tiền cho T3 cũng sẽ chuyển thêm tiền cho T3 so với số tiền T3 đã trao đổi bằng hình thức chuyển khoản Ngân hàng. Khi nhận được tiền thì T3 cũng trả tiền cho T bằng số tiền T và T3 thỏa thuận với nhau.

- Ngoài H1, còn Nguyễn Thị Hoài T10 (Sinh năm 1990, HKKT: Tổ F, phường P, TP T) là nhân viên Chi nhánh Công ty TNHH T13, địa chỉ: Tầng G, tòa nhà V, số D T, phường T, quận N, TP Hà Nội) có nhờ Trần Thị Tuyết L2, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ A, phường Q, TP T để mua Hóa đơn GTGT ăn uống nhưng không kèm theo hàng hóa, dịch vụ xuất cho chi nhánh Công ty TNHH T13 để thực hiện thanh quyết toán tiền tại Công ty. Qua mối quan hệ quen biết, L2 nhờ T3 liên hệ mua giúp Hóa đơn GTGT nhưng không kèm theo hàng hóa, dịch vụ và được T3 đồng ý. Khi Nguyễn Thị Hoài T10 có nhu cầu cần mua Hóa đơn GTGT sẽ cung cấp thông tin về thời gian, số tiền giá trị Hóa đơn GTGT cho L2, sau đó L2 chuyển tiếp thông tin cho T3, T3 tiếp tục chuyển thông tin cho Trần Thị Hoài T, Trần Thị Hoài T thực hiện xuất Hóa đơn GTGT xong sẽ chuyển tiếp Hóa đơn GTGT và kèm theo số tiền để mua Hóa đơn trên ngược lại cho T3, L2, Nguyễn Thị Hoài T10 qua mạng xã hội Zalo.

Thì ngoài làm Kế toán cho Công ty TNHH T15 còn làm Kế toán cho Công ty TNHH X1, địa chỉ: TDP X, phường C, TP S, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình thực hiện công việc, bản thân T3 tự liên hệ mua Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa dịch vụ kèm theo về để thực hiện kê khai thuế.

Thì ngoài liên hệ với Trần Thị Hoài T để trao đổi về việc mua Hóa đơn nhưng thực tế không có hàng hóa dịch vụ kèm theo, còn liên hệ với nhân viên (Không xác định được thông tin nhân thân, lai lịch) của H7 kinh doanh Đặng Văn A1 hay còn gọi là cơ sở kinh doanh ăn uống “Đức Huệ 8”, địa chỉ: Tổ D, phường T, TP T anh Đặng Văn A1 (Sinh năm 1984, trú tại: xóm B, xã C, P, Thái Nguyên) làm chủ cơ sở, (Hộ kinh doanh được Phòng tài chính kế hoạch, U cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 17A80037643, đăng ký lần đầu ngày 07/03/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/12/2020) để mua Hóa đơn bán hàng nhưng thực tế không có hàng hóa dịch vụ kèm theo.

Trần Thị Hoài T sử dụng số điện thoại 0965.048.926 và dùng số điện thoại trên để đăng ký tài khoản mạng xã hội Zalo “Hoài Thu”. Tài khoản ngân hàng của T sử dụng là số 09656888888 – Ngân hàng TMCP T17 (T18); số 108889189289 – Ngân hàng V1; số A – Ngân hàng TMCP C1 (V2). Tài khoản thư điện tử Gmail:

thaonguyenxanhtn2012@gmail.com;sử dụng số điện thoại 0395.062981 và dùng số điện thoại trên để đăng ký sử dụng mạng xã hội Zalo tài khoản là “Vũ Thìn”. Thìn sử dụng tài khoản Ngân hàng S1 – Ngân hàng TMCP C1 (V2) và số 3980468616 – Ngân hàng TMCP Đ (B). Tài khoản thư điện tử G: vuthintn@gmail.com;có sử dụng số điện thoại 0983.510.191 và có sử dụng số điện thoại trên để đăng ký sử dụng mạng xã hội Zalo, T3 lưu tên của Hà Thị M1 là “H”. Tài khoản ngân hàng H1 sử dụng là số 48210000013597 – Ngân hàng TMCP Đ (B). H1 có sử dụng Gmail: maihakh@gmail.com;Thị Tuyết L2 sử dụng số điện thoại 0961.028.189 và dùng số điện thoại trên để đăng ký mạng xã hội zalo tài khoản “Lan Tran”. Tài khoản ngân hàng L4 sử dụng là số 19036007888010 – Ngân hàng TMCP K (T19). L2 có sử dụng Gmail: haivyttn90@gmail.com;Nguyễn Thị Hoài T10 có sử dụng số điện thoại 03789.204.86 để đăng ký sử dụng mạng xã hội Zalo, tài khoản “Hoài Thu”. T10 có sử dụng tài khoản Ngân hàng số 052704060100063 – Ngân hàng TMCP Q (V3). T10 sử dụng Gmail: nguyenthioaithuqtn@gmail.com.

Căn cứ tài liệu điều tra xác định: Vũ Thị T3 mua tổng số 36 số Hóa đơn GTGT (điện tử), Hóa đơn bán hàng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo thông qua Trần Thị Hoài T và cá nhân khác để xuất cho các tổ chức sau:

* Xuất cho Xí nghiệp T11, địa chỉ: thôn H, xã T, huyện K, TP H:

+ Ngày 18/8/2020, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 573 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 16.220.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả cho T số tiền 1.450.000 đồng, T3 trao đổi với H1 mua số Hóa đơn trên hết 1.770.000 đồng.

+ Ngày 05/8/2020, T3 có đề nghị Hộ kinh doanh Đặng Văn A1 xuất 01 hóa đơn bán hàng số 77198 cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT là 15.250.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Thìn không mất tiền mua hóa đơn này. Sau đó T3 trao đổi với H1 01 số Hóa đơn trên với số tiền 1.220.000 đồng.

H1 có trả cho T3 số tiền mua 02 số Hóa đơn trên là 3.200.000 đồng.

+ Ngày 16/04/2020, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 1414 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 19.932.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả cho T số tiền 1.630.000 đồng, T3 trao đổi với H1 mua số Hóa đơn trên hết 2.170.000 đồng;

+ Ngày 19/04/2021, T3 có đề nghị Hộ kinh doanh Đặng Văn A1 xuất 01 hóa đơn bán hàng số 89587 cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT là 14.990.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Thìn không mất tiền mua hóa đơn này. Thìn trao đổi với H1 01 số Hóa đơn trên với số tiền 1.200.000 đồng.

Sau đó, H1 có trả cho T3 số tiền mua 02 số Hóa đơn trên là 3.500.000 đồng.

+ Ngày 18/10/2021, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 140 của Công ty TNHH C đề xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 15.652.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Thìn mua 01 số Hóa đơn GTGT trên của T với số tiền 1.711.000 đồng; Thu mua hóa đơn trên của Công ty TNHH C với số tiền 1.711.000 đồng.

+ Ngày 19/10/2021, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 2246 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 16.975.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả cho T với số tiền 1.380.000 đồng.

+ Ngày 22/10/2021, T3 có đề nghị Hộ kinh doanh Đặng Văn A1 xuất 01 hóa đơn bán hàng số 87152 cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị là 17.820.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa (T3 không mất tiền mua hóa đơn này). Thìn trao đổi với H1 01 số Hóa đơn trên với số tiền 1.425.000 đồng.

Sau đó, H1 có trả cho T3 số tiền mua 03 số Hóa đơn trên là 5.500.000 đồng.

+ Ngày 14/12/2021, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 2429 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 12.604.600 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả cho T số tiền 800.000 đồng.

+ Ngày 15/12/2021, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 2433 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 9.630.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả cho T số tiền 600.000 đồng.

Thìn có trao đổi với H1 mua 02 số Hóa đơn trên hết 2.078.000 đồng, sau đó H1 có trả cho T3 số tiền để mua 02 Hóa đơn trên là 2.400.000 đồng.

+ Ngày 21/01/2022, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 2531 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 10.692.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả cho T số tiền 970.000 đồng. Thìn trao đổi với H1 và H1 có trả cho T3 số tiền để mua Hóa đơn trên là 1.200.000 đồng.

+ Ngày 23/03/2022, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 2754 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 12.258.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả Thu số tiền 800.000 đồng.

+ Ngày 24/03/2022, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 2766 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 13.478.400 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT Thìn trả Thu số tiền 900.000 đồng.

Thìn trao đổi với H1 mua 02 số Hóa đơn trên hết 2.380.000 đồng, sau đó H1 trả cho T3 số tiền để mua 02 Hóa đơn trên là 2.500.000 đồng.

+ Ngày 22/04/2022, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 92 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 13.834.800 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn trên Thìn trả Thu số tiền 900.000 đồng.

+ Ngày 23/04/2022, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 98 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 16.340.400 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả Thu số tiền 1.100.000 đồng.

Thìn trao đổi với H1 mua 02 số Hóa đơn trên hết 2.790.000 đồng, sau đó H1 trả cho T3 số tiền để mua 02 Hóa đơn trên là 3.000.000 đồng.

+ Ngày 21/06/2022, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 505 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 12.736.800 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn trên T3 trả cho T số tiền là 900.000 đồng;

+ Ngày 28/06/2022, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 563 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 13.575.600 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn trên Thìn trả T số tiền là 1.000.000 đồng.

Thìn trao đổi với H1 mua 02 số Hóa đơn trên hết 2.400.000 đồng, sau đó H1 trả cho T3 số tiền để mua 02 Hóa đơn trên là 2.700.000 đồng.

+ Ngày 05/09/2022, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 897 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 16.540.200 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn trên Thìn trả T số tiền là 1.200.000 đồng;

+ Ngày 06/09/2022, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 902 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 17.582.400 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn Thìn trả T số tiền là 1.300.000 đồng.

Thìn trao đổi với H1 mua 02 số Hóa đơn trên hết 3.150.000 đồng, sau đó H1 trả cho T3 số tiền để mua 02 Hóa đơn trên là 3.500.000 đồng.

+ Ngày 17/02/2023, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 87 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 18.375.500 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn trên Thìn trả Thu số tiền 1.830.000 đồng;

+ Ngày 21/02/2023, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 93 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 17.248.000 đồng với nội dung hàng hóa

ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên với chi phí số tiền 1.730.000 đồng.

Thì trao đổi với H1 mua 02 số Hóa đơn trên hết 3.880.000 đồng, sau đó H1 trả cho T3 số tiền để mua 02 Hóa đơn trên là 4.200.000 đồng.

+ Ngày 20/04/2023, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 238 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là đồng với 14.278.000 nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn trên Thì trả Thu số tiền 1.430.000 đồng;

Ngày 22/04/2023, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 244 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 12.683.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thì trả Thu số tiền 1.260.000 đồng.

Thì trao đổi với H1 mua 02 số Hóa đơn trên hết 2.940.000 đồng, sau đó H1 trả cho T3 số tiền để mua 02 Hóa đơn trên là 3.000.000 đồng.

+ Ngày 23/08/2023, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 74 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 18.052.200 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thì trả T số tiền 1.650.000 đồng;

+ Ngày 24/08/2023, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 77 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 16.686.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thì trả Thu số tiền 1.550.000 đồng.

Thì trao đổi với H1 mua 02 số Hóa đơn trên hết 3.800.000 đồng, sau đó H1 trả cho T3 số tiền để mua 02 Hóa đơn trên là 4.100.000 đồng.

+ Ngày 04/10/2023, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 187 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 7.689.600 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thì trả Thu số tiền 710.000 đồng.

Thì trao đổi với H1 mua 01 số Hóa đơn trên hết 850.000 đồng, sau đó H1 trả cho T3 số tiền để mua 01 Hóa đơn trên là 1.000.000 đồng.

+ Ngày 11/04/2024, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 458 của HKD Đặng Thị Thu H5 để xuất cho Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 15.923.880 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên thì Thu mua giúp với số tiền 1.590.000 đồng và cũng chưa trả tiền. Thì trao đổi với H1 mua 01 số Hóa đơn trên hết 1.590.000 đồng. H1 có trả cho T3 số tiền để mua 01 Hóa đơn trên là 1.800.000 đồng.

* Xuất cho Chi nhánh Công ty TNHH T13:

+ Ngày 07/6/2021, Nguyễn Thị Hoài T10 liên hệ Trần Thị Tuyết L2 sau đó L2 liên hệ Thì mua của Trần Thị Hoài T 01 hóa đơn GTGT số 1638 của

Công ty TNHH T12 đề xuất cho Chi nhánh Công ty TNHH T13 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 3.300.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả cho T số tiền 270.000 đồng, sau đó T3 có hướng dẫn Trần Thị Tuyết L2, L2 hướng dẫn Nguyễn Thị Hoài T10 chuyển trực tiếp số tiền trên cho Trần Thị Hoài T.

+ Ngày 10/9/2021, Nguyễn Thị Hoài T10 liên hệ Trần Thị Tuyết L2 sau đó L2 liên hệ Thìn mua của Trần Thị Hoài T 01 hóa đơn GTGT số 2023 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho CN Công ty TNHH T13 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 1.500.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên với số tiền 130.000 đồng, sau đó T3 có hướng dẫn Trần Thị Tuyết L2, L2 hướng dẫn Nguyễn Thị Hoài T10 chuyển trực tiếp số tiền trên cho Trần Thị Hoài T.

+ Ngày 19/10/2021, Nguyễn Thị Hoài T10 liên hệ Trần Thị Tuyết L2 sau đó L2 liên hệ Thìn mua của Trần Thị Hoài T 01 hóa đơn GTGT số 2245 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho CN Công ty TNHH T13 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 1.980.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên với số tiền 180.000 đồng, sau đó T3 có hướng dẫn Trần Thị Tuyết L2, L2 hướng dẫn Nguyễn Thị Hoài T10 chuyển trực tiếp số tiền trên cho Trần Thị Hoài T.

+ Ngày 22/06/2022, Nguyễn Thị Hoài T10 liên hệ Trần Thị Tuyết L2 sau đó L2 liên hệ Thìn mua của Trần Thị Hoài T 01 hóa đơn GTGT số 516 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho Chi nhánh Công ty TNHH T13 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 3.240.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên với số tiền 240.000 đồng, sau đó sau đó T3 có hướng dẫn Trần Thị Tuyết L2, L2 hướng dẫn Nguyễn Thị Hoài T10 chuyển trực tiếp số tiền trên cho Trần Thị Hoài T.

* Xuất cho Công ty TNHH X1, địa chỉ: TDP X, phường C, TP S, tỉnh Thái Nguyên:

Thìn làm kế toán Công ty TNHH X1, tự liên hệ lấy tiền của bản thân mua hóa đơn về để thực hiện quyết toán và kê khai thuế, T3 không được hưởng lợi gì từ những hóa đơn này.

+ Ngày 30/12/2021, T3 có nhờ Thu mua 01 hóa đơn GTGT số 2436 của Công ty TNHH T14 đề xuất cho Công ty TNHH X1 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 16.593.500 đồng với nội dung hàng hóa văn phòng phẩm, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thu mua giúp T3 với giá 1.500.000 đồng (T không hưởng lợi).

+ Ngày 10/09/2022, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 924 của Công ty TNHH T12 đề xuất cho Công ty TNHH X1 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 5.801.760 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thìn trả Thu số tiền 400.000 đồng.

+ Ngày 12/09/2022, T3 có nhờ Thu mua 01 hóa đơn GTGT số 2096 của Công ty TNHH T14 để xuất cho Công ty TNHH X1 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 19.926.000 đồng với nội dung hàng hóa văn phòng phẩm, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thu mua giúp T3 với giá 1.500.000 đồng (T không hưởng lợi).

+ Ngày 16/11/2022, T3 có mua của T 01 hóa đơn GTGT số 1289 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Công ty TNHH X1 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 12.906.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thèn trả Thu số tiền 1.530.000 đồng.

+ Ngày 08/02/2023, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 64 của Công ty TNHH T12 để xuất cho Công ty TNHH X1 với giá trị bao gồm thuế VAT số tiền là 10.450.000 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT Thèn trả cho T số tiền 950.000 đồng.

+ Ngày 10/02/2023, T3 mua của T 01 hóa đơn GTGT số 245 của Công ty TNHH T14 để xuất cho Công ty TNHH X1 với giá trị hàng hóa bao gồm thuế VAT số tiền là 11.038.500 đồng với nội dung hàng hóa ăn uống, tuy nhiên trên thực tế không kèm theo dịch vụ, hàng hóa. Việc mua 01 số Hóa đơn GTGT trên Thèn trả Thu số tiền 1.090.000 đồng.

Ngày 23/4/2024, Vũ Thị T3, Trần Thị Hoài T đã đến Công an thành phố T16 để tự thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Hoài T, Vũ Thị T3, Mai Thị H1 đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nêu trên. Lời khai của các bị can phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Sao kê tài khoản ngân hàng bị can T, T3, H1; nội dung tin nhắn zalo giữa T3, T, H1 và những người liên quan trao đổi, thỏa thuận với nhau về việc mua bán Hóa đơn nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo; toàn bộ các hóa đơn GTGT các bị can giao nộp và các tài liệu chứng cứ khác (BL54-56; 71-94; 103-104; 105-167; 175-176; 177-242; 250-267; 275-342; 359-360; 361-363; 364-543; 662-964; 1257-1262; 1286-1320; 1321-1326; 1359-1942).

Vật chứng vụ án:

- 36 hóa đơn GTGT (Hóa đơn điện tử) liên quan đến hành vi phạm tội do các bị can giao nộp được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) do Trần Thị Hoài T nộp; số tiền 1.711.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) do Công ty TNHH C nộp; số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) do Vũ Thị T3 nộp.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX, màu vàng, số máy MLLD3VN/A, số sê-ri XNVPD9YMHX; tình trạng máy: đã qua sử dụng; có lắp 01 sim điện thoại Viettel số 0395062981. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A, do Vũ Thị T3 tự nguyện giao nộp.

- 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy A34 5G, màu vàng, Số seri RFCW221AJKV; Imei 1: 357260750886516; I: 357318870886517, tình trạng cũ đang qua sử dụng, có sử dụng 01 sim điện thoại có số 0983.510.191. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A3, do Hà Thị M1 tự nguyện giao nộp.

- 01 Máy tính xách tay (laptop), nhãn hiệu HP ProBook 4540s, màu trắng, có số seri JPA338C36R, tình trạng cũ đã qua sử dụng. Được niêm phong trong thùng giấy caxtong, ký hiệu là L1.

- 01 USB Token Viettel, màu bạc, có số seri: 5404170820017200, tình trạng cũ đã qua sử dụng (Chữ ký số điện tử). Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là T1.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu ghi, số máy MU793VN/A, số sê-ri DFJJ7Y13XN; tình trạng máy: đã qua sử dụng; có lắp 01 sim điện thoại Viettel số 0965048926. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A2. Do Trần Thị Hoài T tự nguyện giao nộp.

Hiện được chuyển đến bảo quản tại tài khoản và kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSTPTN ngày 10/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Trần Thị Hoài T, Vũ Thị T3 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; bị cáo Mai Thị H1 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố như sau:

* Đối với bị cáo Trần Thị Hoài T và Vũ Thị T3: Áp dụng: điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, điểm s, r khoản 1 và khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo T, T3 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định. Phạt tiền đối với mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ

* Đối với bị cáo Mai Thị H1: Áp dụng khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự, điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo H1 từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H1.

Truy thu số tiền do phạm tội mà có nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo T là 28.790.000 đồng; đối với bị cáo T3 là 14.799.000 đồng. Được trừ đi số tiền các bị cáo đã tự nguyện nộp.

Xử lý vật chứng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- 36 hóa đơn GTGT (Hóa đơn điện tử) liên quan đến hành vi phạm tội do các bị can giao nộp được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) do Trần Thị Hoài T nộp; số tiền 1.711.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) do Công ty TNHH C nộp; số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) do Vũ Thị T3 nộp.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX, màu vàng, số máy MLLD3VN/A, số sê-ri XNVDP9YMHX; tình trạng máy: đã qua sử dụng; có lắp 01 sim điện thoại Viettel số 0395062981. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A, do Vũ Thị T3 tự nguyện giao nộp.

- 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy A34 5G, màu vàng, Số seri RFCW221AJKV; Imei 1: 357260750886516; I: 357318870886517, tình trạng cũ đang qua sử dụng, có sử dụng 01 sim điện thoại có số 0983.510.191. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A3, do Hà Thị M1 tự nguyện giao nộp.

- 01 Máy tính xách tay (laptop), nhãn hiệu HP ProBook 4540s, màu trắng, có số seri JPA338C36R, tình trạng cũ đã qua sử dụng. Được niêm phong trong thùng giấy caxtong, ký hiệu là L1.

- 01 USB Token Viettel, màu bạc, có số seri: 5404170820017200, tình trạng cũ đã qua sử dụng (Chữ ký số điện tử). Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là T1.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu ghi, số máy MU793VN/A, số sê-ri DFJJ7Y13XN; tình trạng máy: đã qua sử dụng; có lắp 01 sim điện thoại Viettel số 0965048926. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A2. Do Trần Thị Hoài T tự nguyện giao nộp.

Số vật chứng nêu trên là công cụ phương tiện phạm tội do đó đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến tranh luận gì.

Trong phần lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố. Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo H1 có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đang điều trị bệnh lâu dài tại Bệnh viện Đ1; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 290 và Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, các bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan và các tài liệu như Sao kê tài khoản ngân hàng bị cáo T, T3, H1; nội dung tin nhắn zalo giữa T3, T, H1 và những người liên quan trao đổi, thỏa thuận với nhau về việc mua bán Hóa đơn nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo; toàn bộ các hóa đơn GTGT các bị cáo giao nộp và các tài liệu chứng cứ khác. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 4/2024, Trần Thị Hoài T, Vũ Thị T3, Mai Thị H1 có hành vi mua bán trái phép hóa đơn nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo để hưởng lợi. Cụ thể:

- Trần Thị Hoài T xuất bán, mua 33 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Trong đó, T xuất bán cho T3 21 hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH T12 để T3 bán cho Mai Thị H1 xuất cho Xí nghiệp T11; bán 03 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH T12 để T3 xuất cho Công ty TNHH X1; bán 01 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của H7 kinh doanh Đặng Thị Thu H5 cho Vũ Thị T3 để T3 bán cho Mai Thị H1 xuất cho Xí nghiệp T11; bán 01 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH C cho Vũ Thị T3 để T3 bán cho Mai Thị H1 để cho Xí nghiệp T11; bán 03 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH T14 cho Vũ Thị T3 để xuất cho Công ty TNHH X1; mua 04 số hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH T12 để bán cho Nguyễn Thị Hoài T10, Trần Thị Tuyết L2 xuất cho Chi nhánh Công ty TNHH T13; ngoài ra T3 còn liên hệ mua 03 hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của H7 kinh doanh Đặng Văn A1 để bán cho Mai Thị H1 xuất cho Xí nghiệp T11. Trần Thị Hoài T thông qua việc mua bán 33 số hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo như trên bị cáo được hưởng lợi số tiền là 28.790.000 đồng. Vũ Thị T3 thông qua việc mua bán 36 số hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo như trên bị cáo được hưởng lợi số tiền là 14.799.000 đồng. Mai Thị H1 mua 26 số hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo như trên để xuất cho Xí nghiệp T11, bị can không được hưởng lợi gì.

Hiện bị cáo Trần Thị Hoài T đã nộp số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Vũ Thị T3 đã nộp số tiền 8.000.000 đồng tiền hưởng lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Các bị cáo đều là người đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự và biết hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự quản lý của nhà nước về tài chính, kinh tế, ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh. Do vậy hành vi của các bị cáo Trần Thị Hoài T, Vũ Thị T3 đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; bị cáo Mai Thị H1 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a);

d) Hóa đơn, ..., chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;”

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4] Xét tính chất mức độ của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự quản lý của nhà nước về tài chính, kinh tế, ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh.

Trong vụ án này các bị cáo Trần Thị Hoài T, Mai Thị H1, Vũ Thị T3, tham gia đồng phạm với vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người bán trái phép hoá đơn Giá trị gia tăng cho T3 để T3 bán cho H1, H1 sử dụng hợp thức hoá chứng từ cho Xí nghiệp T11..

Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi các bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước lần phạm tội này thì các bị cáo đều có nhân thân tốt và không có vi phạm pháp luật gì.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS. Bị cáo H1 Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, các bị cáo T, T3 đã có đơn tự nguyện ra tự thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mặt khác quá trình điều tra các bị cáo T, T3 đã tự nguyện nộp một phần số tiền thu lợi bất chính vào ngân sách nhà nước. Do đó bị cáo T, T3 được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự theo quy định tại điểm r, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 BLHS.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt: Để đảm bảo việc răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội và cũng tương xứng với nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra thì thấy các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng nào; Bị cáo H1 bị bệnh nặng hiện tại đang điều trị xạ trị bệnh ung thư đại tràng tại bệnh viện Đ1 sức khoẻ yếu. HĐXX thấy các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và được

hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Do đó cần xử phạt Trần Thị Hoài T và Vũ Thị T3 mức án tù từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Xử phạt bị cáo Mai Thị H1 mức án tù từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Mức hình phạt trên cũng phù hợp với mức hình phạt như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa ngày hôm nay.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Nhưng xét thấy bị cáo H1 đang điều trị bệnh nặng công việc không ổn định, mặt khác không thu lợi gì trong việc phạm tội. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H1. Bị cáo Thu, T3 phạm tội mục đích hưởng lợi, hiện nay các bị cáo làm lao động tự do. Cần phạt bổ sung bị cáo T, T3 từ 10 đến 20 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

[7] Vật chứng của vụ án: - 36 hóa đơn GTGT (Hóa đơn điện tử) liên quan đến hành vi phạm tội do các bị can giao nộp được chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) do Trần Thị Hoài T nộp; số tiền 1.711.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) do Công ty TNHH C nộp; số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) do Vũ Thị T3 nộp.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX, màu vàng, số máy MLLD3VN/A, số sê-ri XNVPD9YMHX; tình trạng máy: đã qua sử dụng; có lắp 01 sim điện thoại Viettel số 0395062981. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A, do Vũ Thị T3 tự nguyện giao nộp.

- 01 Điện thoại di động Samsung Galaxy A34 5G, màu vàng, Số seri RFCW221AJKV; Imei 1: 357260750886516; I: 357318870886517, tình trạng cũ đang qua sử dụng, có sử dụng 01 sim điện thoại có số 0983.510.191. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A3, do Mai Thị H1 tự nguyện giao nộp.

- 01 Máy tính xách tay (laptop), nhãn hiệu HP ProBook 4540s, màu trắng, có số seri JPA338C36R, tình trạng cũ đã qua sử dụng. Được niêm phong trong thùng giấy caxtong, ký hiệu là L1.

- 01 USB Token Viettel, màu bạc, có số seri: 5404170820017200, tình trạng cũ đã qua sử dụng (Chữ ký số điện tử). Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là T1.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu ghi, số máy MU793VN/A, số sê-ri DFJJ7Y13XN; tình trạng máy: đã qua sử dụng; có lắp 01 sim điện thoại Viettel số 0965048926. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A2. Do Trần Thị Hoài T tự nguyện giao nộp.

Xác định số vật chứng nêu trên là công cụ phương tiện phạm tội do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền hưởng lợi do phạm tội đối với bị cáo T là 28.790.000 đồng; Bị cáo T3 14.799.000 đồng. Được trừ đi số tiền các bị cáo T đã tự nguyện nộp tại giai đoạn điều tra là 15.000.000 đồng; bị cáo T3 đã nộp là 8.000.000 đồng (Theo giấy ủy nhiệm chi của Công an thành phố T16). Do đó cần truy thu số tiền thu lợi bất chính còn thiếu đối với bị

cáo T 13.790.000đ; Bị cáo T3 là 6.799.000đ vào ngân sách nhà nước theo quy định.

[8] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi của những tổ chức, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác: - Nguyễn Thị Hoài T10, Trần Thị Tuyết L2 mua 04 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH T12 để xuất cho Chi nhánh Công ty TNHH T13; Nguyễn Thị Thanh H6 bán 04 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty TNHH T14 để xuất cho Công ty TNHH X1 để hưởng lợi với số tiền là 4.040.000 đồng; Đặng Thị Thu H5 xuất cho 01 số Hóa đơn GTGT nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của H7 kinh doanh Đặng Thị Thu H5 để xuất cho Xí nghiệp T11. Do hành vi không cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T16 đã ra văn bản và chuyển hồ sơ liên quan đến cơ quan Thuế có thẩm quyền đề nghị xem xét xử lý đối với Nguyễn Thị Hoài T10, Trần Thị Tuyết L2, Nguyễn Thị Thanh H6, Đặng Thị Thu H5 về hành vi cho, mua, bán Hóa đơn nhưng thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo.

- Đối với Chi nhánh Công ty TNHH T13 có hành vi sử dụng 04 số Hóa đơn GTGT thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo để kê khai, quyết toán thuế; Đối với Công ty TNHH X1 có hành vi sử dụng 06 số Hóa đơn GTGT thực tế không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo để kê khai, quyết toán thuế, do hành vi không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với H7 kinh doanh Đặng Văn A1 không xác định được là ai đã thực hiện hành vi xuất cho 03 số Hóa đơn bán hàng của H7 kinh doanh cho Xí nghiệp T11; Công ty TNHH C không xác định được là ai đã thực hiện hành vi xuất bán 01 số Hóa đơn GTGT của Công ty cho Xí nghiệp T11, không có đủ căn cứ xác định được đối tượng vi phạm hành chính.

- Đối với 26 số Hóa đơn khống Mai Thị H1 thực hiện mua để quyết toán, Xí nghiệp tiêu thụ xi măng Vicem Bút Sơn sử dụng 21 số Hóa đơn khống để kê khai, quyết toán thuế. Cơ quan CSĐT Công an T16 đã ra văn bản và chuyển hồ sơ liên quan đến cơ quan Thuế có thẩm quyền đề nghị xem xét có hình thức xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Các bị cáo Trần Thị Hoài T, Vũ Thị T3 và Mai Thị H1 phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”

1.1 Căn cứ vào điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, điểm s, r khoản 1 và khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

+ Xử phạt:

- Trần Thị Hoài T **13** (mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/02/2025.

- Vũ Thị T3 **13** (mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/02/2025.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Trần Thị Hoài T, Vũ Thị T3 mỗi bị cáo là **10.000.000** đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị H1 **6** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/02/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H1.

Giao bị cáo Trần Thị Hoài T cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Thị T3 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Mai Thị H1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người thi hành án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo T, T3 và H1, buộc các bị cáo không được rời khỏi nơi cư trú kể từ ngày 21/02/2025 cho đến khi các bị cáo đi chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. - Buộc bị cáo Trần Thị Hoài T phải nộp số tiền **13.790.000** đồng (mười ba triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Vũ Thị T3 phải nộp số tiền **6.799.000đ** (sáu triệu, bảy trăm, chín mươi chín nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- Số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) do Trần Thị Hoài T nộp; số tiền 1.711.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) do Công ty TNHH C nộp; số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) do Vũ Thị T3 nộp. Theo uỷ nhiệm chi của Công an thành phố T16.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 13 PROMAX, màu vàng, số máy MLLD3VN/A, số sê-ri XNVPD9YMHX; tình trạng máy: cũ đã qua sử dụng; có lắp 01 sim điện thoại Viettel số 0395062981. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A.

- 01 Điện thoại di động Samsung Glaxy A34 5G, màu vàng, Số seri RFCW221AJKV; Imei 1: 357260750886516; I: 357318870886517, tình trạng

cũ đang qua sử dụng, có sử dụng 01 sim điện thoại có số 0983.510.191. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A3.

- 01 Máy tính xách tay (laptop), nhãn hiệu HP ProBook 4540s, màu trắng, có số seri JPA338C36R, tình trạng cũ đã qua sử dụng. Được niêm phong trong thùng giấy caxtong, ký hiệu là L1.

- 01 USB Token Viettel, màu bạc, có số seri: 5404170820017200, tình trạng cũ đã qua sử dụng (Chữ ký số điện tử). Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là T1.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 PROMAX, màu ghi, số máy MU793VN/A, số sê-ri DFJJ7Y13XN; tình trạng máy: đã qua sử dụng; có lắp 01 sim điện thoại Viettel số 0965048926. Được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là A2.

Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo tình trạng biên bản giao nhận vật chứng số 97 ngày 07/02/2025.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Thị Hoài T; Mai Thị H1 và Vũ Thị T3 mỗi bị cáo phải nộp **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo, NLQ..
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chính

